

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

Trên cơ sở báo cáo số 128/BC-STP ngày 30/6/2022 của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình nội dung thẩm định như sau:

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại tên gọi và nội dung Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi*” để nội dung được chính xác.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

2. Tại phần căn cứ ban hành: Đề nghị bỏ “*Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*” để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành...*”. Đồng thời, đề nghị bổ sung Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

3. Tại khoản 1 (*Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND*): Nội dung về phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí. Tuy nhiên, nội dung tiêu chí “(1) **Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;** (6) **Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao**” là không phù hợp với Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và hướng dẫn của Trung ương. Bởi vì:

- Tại khoản 1 Điều 5 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định “*Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, rừng tự nhiên và rừng trồng được phân thành 03 loại như sau: a) Rừng đặc dụng; b) Rừng phòng hộ; c) Rừng sản xuất*”. Như vậy, theo quy định của Luật Lâm nghiệp thì **rừng tự nhiên** được phân thành 3 loại: Rừng đặc dụng; **Rừng phòng hộ**; Rừng sản xuất. Do đó, nội dung dự thảo Nghị quyết trình bày rừng **đặc dụng**, rừng phòng hộ, **rừng tự nhiên** do UBND cấp xã trực tiếp quản lý là chưa phù hợp. Đồng thời, nội dung tiêu chí “*Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng...*” dựa trên tiêu chí (TT 1) quy định tại điểm b, điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ*”. Tuy nhiên, theo kết quả rà soát 03 loại rừng của địa phương thì hiện nay trên địa bàn tỉnh không có **rừng đặc dụng**.

- Cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung tiêu chí (TT 1) mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng **đặc dụng**, rừng phòng hộ, **rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý** là chưa cụ thể và phù hợp với nội dung tiêu chí được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg. Đồng thời, bên giao khoán bảo vệ rừng gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, UBND cấp xã được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo chỉ tính điểm để phân bổ vốn đối với diện tích rừng do UBND xã trực tiếp quản lý là chưa phù hợp.

- Nội dung tiêu chí 6 “*Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp*”

**được giao**” là chưa phù hợp với điểm b, điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định **“Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ”**. Như vậy, tiêu chí Thủ tướng Chính phủ quy định **“Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng...”** hoàn toàn khác với tiêu chí **“Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình...”**, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa cho phù hợp.

Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết quy định **“Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp”**, đề nghị phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rà soát, kiểm tra lại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tổng hợp được số lượng của các tiêu chí này hay không.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh:

- Đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung tiêu chí **“(1) Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý; (6) Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao”** theo đúng quy định tại điểm b, điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với nội dung nghị phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để rà soát, kiểm tra lại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tổng hợp được số lượng của các tiêu chí này: Trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tổng hợp số liệu của các tiêu chí này cung cấp cho Ban Dân tộc tỉnh<sup>1</sup>.

4. Tại khoản 2 (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND):

- Nội dung về phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo 02 tiêu chí; theo đó, cơ quan soạn thảo đề xuất bổ sung tiêu chí **“Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”**. Tuy nhiên, tại điểm b, điểm 1.2 khoản 1 Phụ lục X kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định phân bổ vốn cho các địa phương áp dụng phương pháp tính điểm theo 01 tiêu chí **“Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số”**. Đồng thời, tại khoản 1 Mục II Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 quy định **“Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực**

<sup>1</sup> Công văn số 598/SNNPTNT-KTTC ngày 23/02/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*". Do vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất phương pháp tính điểm theo tiêu chí "*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*" được 5 điểm là chưa đảm bảo cơ sở pháp lý. Liên quan đến nội dung này, tại Công văn số 142/HĐND-DT ngày 16/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh đã yêu cầu làm rõ cơ sở đưa ra tiêu chí để tính điểm "*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*", Ban Dân tộc tỉnh giải trình cơ sở để đưa ra tiêu chí này là bình quân mỗi xã khoảng 06 thôn, mỗi thôn/01 người. Tuy nhiên, theo danh sách công bố tại Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thì có xã được công bố đến 08 - 09 thôn.

- Nội dung quy định "*Số lượng (a) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); số lượng (b) được xác định theo số lượng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được UBND tỉnh phê duyệt*" là chưa phù hợp. Bởi vì, tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thì **Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh.**

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh:

- Đối với việc bổ sung tiêu chí "*Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số*" vào điểm b khoản 1 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND; Ban Dân tộc tỉnh đề nghị giữ nguyên tiêu chí này trong dự thảo Nghị quyết sửa đổi. Nguyên nhân: tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số quy định "*a) Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn một người có uy tín. b) Trường hợp thôn không đủ Điều kiện quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này hoặc có nhiều thành Phần dân tộc cùng sinh sống, căn cứ tình hình thực tế và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng người có uy tín được bình chọn, nhưng tổng số người có uy tín được bình chọn không vượt quá tổng số thôn của vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*". Như vậy, các thôn được bầu chọn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đa số thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với phạm vi của Chương trình: "*Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*".

Đối với nội dung Ban Dân tộc tỉnh giải trình cơ sở để đưa ra tiêu chí này là bình quân mỗi xã khoảng 06 thôn, mỗi thôn/01 người. Tuy nhiên, theo danh

sách công bố tại Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thì có xã được công bố đến 08 - 09 thôn. Đây là số liệu bình quân số thôn/01 xã ở vùng đồng bào DTTS, vì có những xã có 08 – 09 thôn nhưng cũng có rất nhiều xã chỉ có 03 thôn/xã. Ban Dân tộc tỉnh tính bình quân số thôn/xã để làm cơ sở xác định số điểm của tiêu chí “Mỗi người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”; khi tính tổng số điểm của tiêu chí sẽ căn cứ trên số liệu thực tế về số lượng người có uy tín trong đồng bào DTTS của từng huyện.

- Đối với nội dung quy định “Số lượng (a) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); số lượng (b) được xác định theo số lượng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được UBND tỉnh phê duyệt” là chưa phù hợp; Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, điều chỉnh cho phù hợp với quy định “số lượng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được **Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt**”

5. Nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng “1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày... tháng...năm 2023; 2. **Những nội dung khác của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/QĐ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành**” để nội dung được cụ thể.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

6. Tại Công văn số 142/HĐND-DT ngày 16/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát tất cả các nội dung của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh để phân công lại nhiệm vụ và xác định tỷ lệ phân bổ vốn cho phù hợp, trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh nhằm bảo đảm thực hiện và giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn được giao. Tuy nhiên, Ban Dân tộc tỉnh chưa báo cáo và giải trình việc thực hiện rà soát toàn bộ nội dung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngoài nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 và điểm b khoản 1 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Do vậy, để đảm bảo tính ổn định của văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh sau khi ban hành, không sửa đổi, bổ sung nhiều lần, đề nghị Ban Dân tộc tỉnh rà soát lại toàn bộ nội dung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và toàn diện.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh:

Thực hiện Công văn số 142/HĐND-DT ngày 16/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 2826/UBND-KGVX ngày 21/6/2023 giao Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương theo chức năng,

nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm rà soát cụ thể nội dung, phân việc được giao; trên cơ sở đó, bám sát nội dung yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn nêu trên để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Ban Dân tộc tỉnh*) trước ngày 24/6/2023; giao Ban Dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp và gửi Sở Tư pháp thẩm tra theo quy định; trên cơ sở đó, hoàn chỉnh dự thảo nội dung Tờ trình, Nghị quyết và trình UBND tỉnh xem xét trước ngày 30/6/2023. Tuy nhiên đến hết ngày 23/6/2023, Ban Dân tộc tỉnh chỉ nhận được báo cáo rà soát của Sở Thông tin và Truyền thông (*văn bản số 1123/STTTT-BCVT&CNTT ngày 22/6/2023*) và không đề xuất nội dung sửa đổi bổ sung. Nội dung này Ban Dân tộc tỉnh đã báo cáo giải trình tại Báo cáo số 593/BC-BDT ngày 23/6/2023 về tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

Sau ngày 23/6/2023, Ban Dân tộc tỉnh nhận được báo cáo rà soát của các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội (*văn bản số 1935/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 23/6/2023*); Giáo dục và Đào tạo (*tại Công văn số 1239/SGDDT-KHTC ngày 23/6/2023*); Công Thương (*tại Công văn số 1521/SCT-KHTCTH ngày 29/6/2023*). Ban Dân tộc tỉnh báo cáo giải trình đề nghị của các Sở như sau:

- Sở Giáo dục và Đào tạo không đề xuất nội dung sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND theo yêu cầu tại Công văn số 142/HĐND-DT ngày 16/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị bỏ tiêu chí, định mức phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện đối với các nhiệm vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại điểm b, khoản 3 Điều 9 của Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh (*Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*). Nội dung này Ban Dân tộc tỉnh đề nghị không điều chỉnh vì hiện nay các huyện cũng báo cáo khó khăn, không thực hiện được và một số nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án này do Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

- Sở Công Thương đề nghị điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 1 (Tiểu dự án 1) Điều 8 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND phù hợp với điểm b khoản 1.1 Mục 1. Tiểu dự án 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, theo hướng như sau: “Số lượng (h, i) được xác định như sau: ...; chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương”. Ban Dân tộc tỉnh đề nghị không điều chỉnh nội dung này; nguyên nhân: Báo cáo nghiên cứu khả thi là

của Trung ương lập để xây dựng Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg; đối với tỉnh không xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi của tỉnh nên không có cơ sở để áp dụng, nội dung này Ban Dân tộc tỉnh đã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Tờ trình số 185/BDT-CSĐT ngày 16/3/2023. Đối với số lượng danh mục chợ được đầu tư mới, cải tạo nâng cấp để làm cơ sở tính điểm, Ban Dân tộc tỉnh đã có văn bản số 101/BDT-CSĐT ngày 16/02/2023 đề nghị Sở Công Thương tổng hợp, đề xuất danh mục dự án chợ đầu tư xây mới và cải tạo, nâng cấp gửi về Ban Dân tộc tỉnh để có cơ sở tổng hợp, đưa vào tiêu chí phân bổ vốn đầu tư của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 cho các huyện nhưng đến nay Ban chưa nhận được văn bản đề xuất của Sở Công Thương.

7. Tại phần “*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ...*”, đề nghị trình bày lại “*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; ...*” để nội dung dự thảo được chính xác và thống nhất tên gọi dự thảo Nghị quyết.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

8. Tại khoản 1 Điều 1 đề nghị bổ sung từ “*vốn*” tại cụm từ “*Phân bổ vốn...*” để thống nhất với quy định tại khoản 2; tại khoản 2 đề nghị bỏ bớt từ “*cho*” để nội dung được chính xác.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

9. Đối với dự thảo Tờ trình: Đề nghị xây dựng dự thảo Tờ trình đề trình UBND tỉnh theo đúng quy định tại Mẫu số 3 (*Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*) Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ban Dân tộc tỉnh: đã tiếp thu, điều chỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, qbinh.

**TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Mẫn**